

BẢNG GHI ĐIỂM LỚP HỌC PHẦN

Đợt: Học kỳ 1 (2023-2024)

Lớp học phần: [23400806] - Cầu lông 1 (CCQ2211A)

STT	Thông tin sinh viên						TBTK	Được dự thi	Cuối kỳ	Vắng thi	Điểm tổng kết 1	Điểm tổng kết 2	Xếp loại	Ghi chú
	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp học								
1	2123100031	Nguyễn Thị Quế	Anh	18/01/2005	Nữ	CCQ2310A	7,3	V	7,0		7,10		Khá	
2	2122150078	Lương Văn	Bình	24/10/2004	Nam	CCQ2215C	8,5	V	9,0		8,80		Giỏi	
3	2122150080	Nguyễn Duy	Cường	21/04/2004	Nam	CCQ2215C	8,0	V	8,0		8,00		Khá	
4	2122110212	Thái Hồ Tiến	Đạt	06/08/2003	Nam	CCQ2222A	7,8	V	6,0		6,70		Trung bình	
5	2122190062	Ka	Dum	09/02/2004	Nữ	CCQ2219B	8,0	V	5,0		6,20		Trung bình	
6	2122100067	Huỳnh	Giao	13/02/2004	Nữ	CCQ2210B	7,5	V	6,0		6,60		Trung bình	
7	2123260080	Phan Thị Ngọc	Giàu	01/10/2005	Nữ	CCQ2326C	6,0	V	6,0		6,00		Trung bình	
8	2122150065	Nguyễn Ngọc	Hải	28/12/2004	Nam	CCQ2215C	8,3	V	5,0		6,30		Trung bình	
9	2122100009	Nguyễn Ngọc	Hạnh	17/05/2003	Nữ	CCQ2210A	7,3	V	7,0		7,10		Khá	
10	2122110222	Cao Dũy	Hào	31/08/2004	Nam	CCQ2222A	7,5	V	8,0		7,80		Khá	
11	2122030197	Nguyễn Anh	Hào	05/06/2004	Nam	CCQ2203F	8,0	V	7,0		7,40		Khá	
12	2122190155	Phạm Thị Minh	Hậu	22/08/2004	Nữ	CCQ2219B	7,8	V	7,0		7,30		Khá	
13	2122150061	Phạm Văn	Hùng	25/08/2004	Nam	CCQ2215C	8,3	V	8,0		8,10		Khá	
14	2122110027	Bùi Trung	Hung	30/04/2004	Nam	CCQ2222A	6,8	V	8,0		7,50		Khá	
15	2123100030	Nguyễn Thị Ngọc	Hương	06/04/2005	Nữ	CCQ2310A	7,0	V	6,0		6,40		Trung bình	
16	2122150060	Nguyễn Quang	Huy	07/10/2004	Nam	CCQ2215C	7,3	V	8,0		7,70		Khá	
17	2123100011	Đinh Thị Thu	Huyền	25/08/2005	Nữ	CCQ2310A	7,5	V	6,0		6,60		Trung bình	
18	2123100007	Nguyễn Đào Cẩm	Huyền	24/07/2001	Nữ	CCQ2310A	7,5	V	7,0		7,20		Khá	
19	2122140010	Nguyễn Văn	Lan	17/06/2004	Nam	CCQ2214A	6,8	V	6,0		6,30		Trung bình	
20	2122150044	La Ngọc	Lễ	29/08/2004	Nam	CCQ2215C	8,5	V	7,0		7,60		Khá	
21	2123100016	Trần Mai Phương	Linh	23/07/2005	Nữ	CCQ2310A	7,5	V	6,0		6,60		Trung bình	
22	2123100008	Trần Nhật	Linh	26/08/2003	Nữ	CCQ2310A	7,5	V	6,0		6,60		Trung bình	
23	2122110067	Đặng Thị Tố	My	17/10/2002	Nữ	CCQ2211B	9,0	V	7,0		7,80		Khá	
24	2123100046	Vô Hồng	Ngọc	01/04/2005	Nữ	CCQ2310B	7,5	V	5,0		6,00		Trung bình	
25	2122190043	Vô Thị Kim	Ngọc	13/07/2002	Nữ	CCQ2219B	6,5	V	5,0		5,60		Trung bình	
26	2123100066	Đặng Trường	Nguyên	20/07/2005	Nam	CCQ2310B	6,5	V	5,0		5,60		Trung bình	
27	2122190139	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	20/01/2004	Nữ	CCQ2219C	7,5	V	8,0		7,80		Khá	
28	2122180037	Phạm Văn	Nhon	05/11/2004	Nam	CCQ2218B	8,0	V	8,0		8,00		Khá	
29	2122270016	Trần Thị Hồng	Nhung	02/08/2004	Nữ	CCQ2227A	8,3	V	8,0		8,10		Khá	
30	2122270063	Lê Thị Kim	Oanh	12/07/2003	Nữ	CCQ2227B	6,8	V	7,0		6,90		Trung bình	
31	2123100070	Phạm Thị Kiều	Oanh	08/11/2005	Nữ	CCQ2310B	7,3	V	6,0		6,50		Trung bình	
32	2121200150	Đỗ Tuấn	Phát	24/01/2003	Nam	CCQ2120E	5,3	V	7,0		6,30		Trung bình	

33	2122220006	Nguyễn Tấn	Phát	26/08/2003	Nam	CCQ2222A	8,0	V	9,0		8,60		Giỏi	
34	2122030138	Nguyễn Duy	Phước	02/12/2004	Nam	CCQ2203H	6,8	V	7,0		6,90		Trung bình	
35	2122110451	Lê Hồ Xuân	Phuong	14/08/2004	Nam	CCQ2222A	5,0	V	9,0		7,40		Khá	
36	2123100045	Nguyễn Mai	Phuong	23/07/2005	Nữ	CCQ2310B	8,0	V	8,0		8,00		Khá	
37	2122030068	Trần Văn	Son	02/04/2004	Nam	CCQ2203B	7,5	V	7,0		7,20		Khá	
38	2122110188	Lâm Chí	Suong	01/06/2002	Nam	CCQ2222A	7,8	V	7,0		7,30		Khá	
39	2122170022	Phạm Văn	Tài	04/04/2004	Nam	CCQ2227B	5,5	V	5,0		5,20		Trung bình yếu	
40	2120050058	Vũ Đức	Tài	15/10/2001	Nam	CCQ2005B	0,0	V	0,0	V	0,00		Kém	Học lại
41	2122190085	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	03/11/2004	Nữ	CCQ2219C	5,8	V	7,0		6,50		Trung bình	
42	2122190098	Trương Văn	Tánh	31/08/2004	Nam	CCQ2219C	7,0	V	6,0		6,40		Trung bình	
43	2122190135	Nguyễn Hồng	Thắm	12/12/2004	Nữ	CCQ2219B	8,5	V	7,0		7,60		Khá	
44	2121120094	Ngô Hoài	Thanh	20/12/2003	Nam	CCQ2112C	7,0	V	7,0		7,00		Khá	
45	2122110071	Thạch Xuân	Thành	15/01/2004	Nam	CCQ2222A	0,0	V	0,0	V	0,00		Kém	Học lại
46	2123100022	Phan Đặng Thanh	Thảo	26/02/2005	Nữ	CCQ2310A	8,3	V	7,0		7,50		Khá	
47	2123100027	Lê Thị Kim	Thoa	18/09/2001	Nữ	CCQ2310A	7,8	V	10,0		9,10		Giỏi	
48	2123100021	Nguyễn Thị Bích	Thương	14/06/2005	Nữ	CCQ2310A	7,8	V	9,0		8,50		Giỏi	
49	2122260119	Thới Văn	Thương	24/09/2004	Nam	CCQ2226D	8,0	V	10,0		9,20		Giỏi	
50	2122100390	Tổng Phương	Thùy	18/07/2004	Nữ	CCQ2210K	7,3	V	7,0		7,10		Khá	
51	2122270033	Phùng Thị	Thủy	24/05/2004	Nữ	CCQ2227A	7,3	V	7,0		7,10		Khá	
52	2123100047	Vũ Thị Phương	Thủy	28/10/2005	Nữ	CCQ2310B	7,8	V	6,0		6,70		Trung bình	
53	2122110068	Trần Ngọc	Ti	25/03/2004	Nam	CCQ2222A	7,8	V	9,0		8,50		Giỏi	
54	2122100362	Đỗ Ngọc	Tiên	29/09/2004	Nữ	CCQ2210J	7,5	V	5,0		6,00		Trung bình	
55	2122100385	Đồng Nguyễn Ngọc	Trân	26/10/2004	Nữ	CCQ2210I	6,0	V	5,0		5,40		Trung bình yếu	
56	2122040048	Nguyễn Đức	Tri	06/12/2004	Nam	CCQ2204B	7,8	V	7,0		7,30		Khá	
57	2120240215	Nguyễn Minh	Trí	05/04/2002	Nam	CCQ2024E	6,0	V	5,0		5,40		Trung bình yếu	
58	2122220007	Bùi Thị Tú	Trinh	09/02/2004	Nữ	CCQ2222A	7,8	V	7,0		7,30		Khá	
59	2122190088	Nguyễn Thị Phương	Trinh	20/11/2004	Nữ	CCQ2219C	7,5	V	8,0		7,80		Khá	
60	2122190095	Trần Kiều	Trinh	21/12/2002	Nữ	CCQ2219C	7,8	V	6,0		6,70		Trung bình	
61	2122120053	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	21/06/2004	Nữ	CCQ2212B	8,5	V	8,0		8,20		Khá	
62	2122060035	Nguyễn Huy	Tuấn	01/01/2004	Nam	CCQ2206A	5,3	V	8,0		6,90		Trung bình	
63	2123100061	Nguyễn Ánh	Tuyết	21/08/2004	Nữ	CCQ2310B	7,8	V	7,0		7,30		Khá	
64	2123100012	Nguyễn Thị Thanh	Vân	26/07/2001	Nữ	CCQ2310A	8,5	V	7,0		7,60		Khá	
65	2122100062	Hoàng Phạm Tường	Vi	10/11/2004	Nữ	CCQ2210B	0,0	V	0,0	V	0,00		Kém	Học lại
66	2120210094	Lương Thê	Vinh	04/10/2002	Nam	CCQ2021C	7,5	V	6,0		6,60		Trung bình	
67	2122170079	Nguyễn Minh	Vương	17/12/2004	Nam	CCQ2217B	0,0	V	0,0	V	0,00		Kém	Học lại
68	2123100042	Nguyễn Võ Tường	Vy	16/04/2005	Nữ	CCQ2310B	7,8	V	9,0		8,50		Giỏi	
69	2123100062	Trần Ngọc Yến	Vy	16/01/2004	Nữ	CCQ2310B	8,0	V	7,0		7,40		Khá	
70	2123100019	Nguyễn Ngọc Như	Ý	11/04/2005	Nữ	CCQ2310A	8,5	V	9,0		8,80		Giỏi	
71	2122220022	Nguyễn Thị Hồng	Yến	19/05/2004	Nữ	CCQ2222A	7,0	V	7,0		7,00		Khá	

....., ngày tháng năm

Người lập biểu

Nguyễn Thành Quân